

Số: 385/2019/QĐST- HNGĐ

H, ngày 29 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 396 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí, lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 414/2019/TB – TLVDS ngày 07/11/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm có những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**Chị Trần Thị B** – sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 31, khu 5, phường K, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;

**Anh Lê Việt K1** – sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, khu 7B, phường HH, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú: Tổ 31, khu 5, phường K, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Chị Trần Thị B và anh Lê Việt K1 cùng yêu cầu ly hôn, xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/11/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị B và anh Lê Việt K1 thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Chị Trần Thị B và anh Lê Việt K1 có 02 con chung là Lê Đức T1 (sinh ngày 07/11/1998) và Lê Thị Thanh T2 (sinh ngày 23/4/2007).

Chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Thị Thanh T2 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ 01/12/2019 cho đến khi cháu T2 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K1 có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Con chung Lê Đức T1 đã thành niên và phát triển hoàn toàn bình thường nên Tòa án không đề cập xem xét.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- *Về các vấn đề khác:* Chị Trần Thị B và anh Lê Việt K1 không vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức nào;

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Trần Thị B tự nguyện nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng lệ phí chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001779 ngày 05/11/2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H. Chị B phải tiếp nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường HH, Tp. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh QN.
- Lưu HS:

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Yên**